

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày 09 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Bị đơn:

1. Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp T, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày:

Hộ kinh doanh T (viết tắt là T) và anh Đ, chị C thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó T bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của anh Đ, chị C nuôi tôm đến cuối vụ anh Đ, chị C phải thanh toán dứt điểm công nợ cho T.

Trong quá trình giao dịch, anh Đ, chị C không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối mùa vụ không thanh toán hết công nợ cho T. Theo biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 11/12/2021 và bản đối công nợ tháng 4 năm 2021 anh Đ, chị C còn nợ T số tiền là 77.340.000 đồng.

T đã liên hệ nhiều lần yêu cầu anh Đ, chị C thanh toán nhưng anh Đ, chị C trốn tránh, hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/02/2022 là 77.340.000 đồng x 0,83% x 09 tháng = 5.777.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/02/2022 là 83.117.000 đồng.

Nay T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ, chị C thanh toán tổng số tiền 83.117.000 đồng.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 06/5/2022 đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 77.340.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Đối với anh Trần Minh Đ và chị Huỳnh Thị C, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh chị nhưng anh chị không có ý kiến gì, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Minh Đ và chị Huỳnh Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu trả số tiền nợ 77.340.000 đồng, thấy rằng: Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nội dung của hợp đồng mua bán ngày 07/11/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đồng thời phù hợp với bảng đối chiếu công nợ tháng 4 năm 2021 được ký vào ngày 01/5/2021 và biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 11/12/2021 thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 77.340.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đ, chị C phải chịu là: 3.867.000 đồng.

T không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T.

Buộc anh Trần Minh Đ và chị Huỳnh Thị C trả cho chị Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T số tiền 77.340.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ, chị C chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh Đ, chị C còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T không phải chịu, hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T 2.078.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012037 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Anh Trần Minh Đ và chị Huỳnh Thị C phải chịu 3.867.000 đồng (ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

